

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phong
- Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 560/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐ-HPT ngày 06/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Hồng C, sinh năm 1963; địa chỉ: 423/TB ấp B, xã T, huyện B, tỉnh B. Có yêu cầu vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986 và bà Phan Thị B, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Võ Hồng C trình bày:

Vào đầu năm 2022 đến ngày 11/10/2022 ông C có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B. Hiện ông A và bà B còn nợ ông C số tiền 189.868.000 đồng. Ông C đã nhiều lần gặp ông A và bà B để yêu cầu trả tiền nhưng ông A, bà B cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả.

Do đó nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền 189.868.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Hoàng A và Phan Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A và bà B vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986 và Phan Thị B, sinh năm 1958 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Võ Hồng C có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: ông Võ Hồng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền 189.868.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Võ Hồng C và anh Nguyễn Hoàng A, bà Phan Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Nguyễn Hoàng A và Phan Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A, bà B vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó, có cơ sở xác định hiện nay anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B còn nợ ông Võ Hồng C số tiền 189.868.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó, việc ông Võ Hồng C yêu cầu anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Hồng C số tiền nợ gốc 189.868.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do ông Võ Hồng C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[7] Anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 189.868.000 \text{ đồng} = 9.493.400 \text{ đồng}$.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng C. Buộc anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Hồng C số tiền 189.868.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng A và bà Phan Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 189.868.000 \text{ đồng} = 9.493.400 \text{ đồng}$.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tơ